

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Trung Lan

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Út - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét sơ thẩm thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/TB-DS ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị N**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: **Tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

- **Bị đơn:** Anh **Đinh Văn X**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: **Tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

(Chị **N** có mặt, anh **X** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị **Bùi Thị N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đinh Văn X** tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2008 tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được, vợ chồng chị đã ly thân hơn ba năm. Trong thời gian ly thân anh chị mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm

sóc và không có mong muốn đoàn tụ. Vì vậy chị **N** yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đình Văn X**.

Về con chung: Chị **N** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh **Đình Văn X** có 03 người con chung là **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008; **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 và **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019. Nguyên vọng của chị **N** sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con. Chị **N** yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng mỗi con số tiền là 1.000.000đ/1 tháng.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị **N** xin thay đổi một phần yêu cầu về con chung cụ thể: Chị **N** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019 và có nguyện vọng giao cháu **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008 và cháu **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 cho anh **X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn đồng thời chị và anh **X** không ai phải cấp dưỡng con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh **X** không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Theo bản tự khai, bị đơn anh **Đình Văn X** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **X** không đồng ý ly hôn vì ba con còn nhỏ.

Về con chung: Anh **X** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa anh và chị **Bùi Thị N** có 03 người con chung là **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008; **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 và **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019.

Đối với nguyện vọng về con chung, về tài sản chung và nợ chung anh **X** không trình bày gì trong bản tự khai.

*Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn anh **Đình Văn X** đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Bùi Thị N**. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Bùi Thị N** và anh **Đình Văn X** được ly hôn; Về con chung: Giao cháu **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008 và cháu **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 cho anh **X** trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Bùi Thị N** và anh **Đình Văn X** không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Bùi Thị N** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Buộc chị **Bùi Thị N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc chị **Bùi Thị N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Đình Văn X** và khi ly hôn chị **N** có yêu cầu được giải quyết về việc nuôi con. Bị đơn anh **X** cư trú tại **Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Tại phiên tòa chị **Bùi Thị N** thay đổi yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự xét thấy việc thay đổi yêu cầu của chị **N** không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Bị đơn anh **Đình Văn X** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Bùi Thị N** và anh **Đình Văn X** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2008 tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Ngày 21/3/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **X** thì được chính quyền địa phương không biết giữa chị **N** và anh **X** có mâu thuẫn gì không.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã triệu tập họp lệ anh **X** đến để hòa giải nhưng anh **X** không đến, điều này cũng chứng tỏ anh **X** không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm; còn chị **N** xác định hiện không còn tình cảm gì

với anh **X**, vợ chồng đã sống ly thân hơn ba năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau và chị **N** cương quyết yêu cầu ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **X** đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **N**, xử cho chị **Bùi Thị N** được ly hôn anh **Đình Văn X** là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Chị **N** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh **Đình Văn X** có 03 người con chung là **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008; **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 và **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019. Quá trình giải quyết vụ án cháu **Đ** và cháu **N1** cũng có bản tự khai trình bày nguyện vọng của các cháu được ở với bố còn cháu **T** hiện còn nhỏ và đang sống cùng mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các cháu cũng như xem xét nguyện vọng của cháu **Đ** và cháu **N1**, nhận thấy cần tiếp tục giao con chung là **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019 cho chị **N** được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời giao con chung là **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008 và **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 cho anh **X** được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị **N** không yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng nuôi con còn anh **X** không có ý kiến nào liên quan trong bản tự khai về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị **N** xác định trong quá trình chung sống giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Buộc chị **Bùi Thị N** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Bùi Thị N**. Cho chị **Bùi Thị N** và anh **Đình Văn X** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu **Đình Tiến T**, sinh ngày 29/9/2019 cho chị **Bùi Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu **Đình Tiến Đ**, sinh ngày 26/12/2008 và **Đình Bùi Minh N1**, sinh ngày 05/3/2011 cho anh **Đình Văn X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị **Bùi Thị N** và anh **Đình Văn X** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009861 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Xác nhận chị **N** đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- UBND thị trấn Đạ Tẻh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tiến Dũng

